

DOI: 10.58490/ctump.2025i83.3357

THỰC TRẠNG SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CÔNG TY MAY LẠC THỦY TỈNH HÒA BÌNH NĂM 2021

Lê Thị Khuyên^{1*}, Nguyễn Thị Xuân¹, Nguyễn Thị Thu Hương¹,
Đinh Thị Đầu¹, Kiều Đình Vĩ²

1. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hòa Bình

2. Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh Hòa Bình

*Email: lethikhuyen206@gmail.com

Ngày nhận bài: 11/12/2024

Ngày phản biện: 18/01/2025

Ngày duyệt đăng: 25/01/2025

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: May mặc là ngành tiềm ẩn nhiều yếu tố bất lợi đối với sức khỏe công nhân như yếu tố vi khí hậu, ánh sáng, bụi, và tỷ lệ công nhân mắc các bệnh ở mũi, họng khá cao với 73,20%. **Mục tiêu nghiên cứu:** 1) Xác định tình trạng sức khỏe của công nhân công ty may Lạc Thủy, 2) Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến sức khỏe công nhân may. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 363 công nhân công ty may Lạc Thủy từ tháng 3/2021 đến tháng 11/2021. Phương pháp thu thập số liệu thông qua phiếu khám sức khỏe và phiếu phỏng vấn trực tiếp. **Kết quả:** Công nhân có sức khỏe loại I, II, III, IV tương ứng 9,6%, 53,4%, 25,4%, 11,6%. Bệnh hay gặp là bệnh răng hàm mặt, tim mạch, phụ khoa và mắt với 33,3%, 29,5%, 26,7% và 19,6%. Tuổi nghề và khu vực làm việc của công nhân không liên quan đến tình trạng sức khỏe của họ ($p>0,05$). Tuổi nghề có liên quan đến bệnh tiêu hóa ($OR=1,19$, $p=0,01$), không liên quan giữa tuổi nghề và khu vực làm việc với các bệnh khác ($p>0,05$). Cảm nhận có ồn trong môi trường lao động liên quan đến triệu chứng đau đầu ($OR=1,92$, $p=0,005$); cảm nhận có bụi liên quan đến ngứa ngáy mũi ($OR=1,68$, $p=0,000$) và mờ mắt ($OR=3,99$, $p=0,03$; cảm nhận về ánh sáng liên quan đến mờ mắt ($OR=10,26$, $p=0,000$) và đau đầu ($OR=3,71$, $p=0,000$) xuất hiện sau ca lao động. **Kết luận:** Đa số công nhân may có sức khỏe tốt; bệnh hay gặp là bệnh răng hàm mặt, tim mạch, phụ khoa và mắt. Có liên quan giữa tuổi nghề với bệnh tiêu hóa và cảm nhận về các yếu tố trong môi trường lao động liên quan đến một số triệu chứng bệnh xuất hiện sau ca lao động của công nhân.

Từ khóa: Sức khỏe người lao động, ngành may mặc, tỉnh Hòa Bình.

ABSTRACT

THE HEALTH STATUS AND ASSOCIATED FACTORS IN WORKERS AT LAC THUY GARMENT COMPANY, HOA BINH PROVINCE, 2021

Le Thi Khuyen^{1*}, Nguyen Thi Xuan¹, Nguyen Thi Thu Huong¹,
Dinh Thi Dau¹, Kieu Dinh Vi²

1. Center for Disease Control in Hoa Binh Province

2. Hoa Binh Medical Assessment Center

Background: The garment industry harbours several risk factors that may adversely affect the health of workers, such as microclimatic conditions, inadequate lighting, dust exposure, and a high prevalence of nasopharyngeal diseases, with an incidence rate of 73.2%. **Objectives:** To evaluate the current state of workers' health at Lac Thuy Garment Company, and investigate factors associated with their health. **Materials and methods:** A cross-sectional survey on 363 workers at Lac Thuy Garment Company from March 2021 to November 2021. Data collection methods: using health examination records and direct interviews with garment workers. **Results:** Workers were classified into health

categories I, II, III, and IV, accounting for 9.6%, 53.4%, 25.4%, and 11.6%, respectively. The most common diseases included dental and oral conditions (33.3%), cardiovascular diseases (29.5%), gynaecology conditions (26.7%), and eye diseases (19.6%). There was no statistically significant relationship between workers' years or work area and their health status ($p>0.05$). However, workers' years were significantly associated with digestive diseases ($OR=1.19$, $p=0.01$). There was no association between workers' years or work area and other diseases ($p>0.05$). Perceived noise is associated with post-shift headaches ($OR=1.92$, $p=0.005$), perceived dust is associated with nasal itching, congestion ($OR=1.68$, $p=0.000$), and blurred vision ($OR=3.99$, $p=0.03$), and perceived lighting is associated with blurred vision ($OR=10.26$, $p=0.000$) and headaches ($OR=3.71$, $p=0.000$). **Conclusions:** The majority of workers are in good health. The most common diseases include dental and oral conditions, cardiovascular diseases, gynaecology conditions, and eye diseases. Workers' years were significantly associated with digestive diseases, and workers' perceptions of workplace environmental factors were associated with the occurrence of certain health symptoms following their work shifts.

Keywords: Workers' health, garment industry, Hoa Binh province.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Môi trường lao động (MTLD) ngành công nghiệp may đã và đang tiềm ẩn nhiều yếu tố nguy cơ bất lợi đối với sức khỏe người lao động (NLĐ) như: Ô nhiễm bụi kết hợp với vi khí hậu bất lợi, hệ thống chiếu sáng không đủ, môi trường làm việc tập trung đông người phát sinh nhiều khí CO₂, tư thế lao động chưa hợp lý, công việc đơn điệu, gò bó và căng thẳng tâm lý sau những đợt tăng ca, chạy sản phẩm...

Ở nước ngoài, nhiều tác giả cho rằng các yếu tố bất lợi như vi khí hậu, ô nhiễm bụi... làm tăng nguy cơ mắc bệnh của công nhân may, đặc biệt là các bệnh về hô hấp [1]; các môi nguy hại như tiếng ồn, mệt mỏi, căng thẳng công việc, các hạt bụi bông,... ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến sức khỏe của công nhân dệt may [2]. Tại Việt Nam, nghiên cứu của Hoàng Thị Thúy Hà (2015) cũng chỉ ra rằng các yếu tố vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió), ánh sáng, bụi vẫn là những yếu tố chủ yếu bất lợi trong môi trường lao động của công ty may và bệnh ở mũi, họng là những bệnh mắc khá cao ở công nhân may (chiếm 73,20%) [3].

Nhằm có cơ sở khoa học, xây dựng định hướng các hoạt động giáo dục truyền thông về chăm sóc sức khỏe người lao động tại Công ty may Lạc Thủy nói riêng và các công ty may trên địa bàn tỉnh nói chung, nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu: “Đánh giá thực trạng sức khỏe và phân tích một số yếu tố liên quan đến sức khỏe của công nhân Công ty may Lạc Thủy”.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Người lao động tham gia trực tiếp sản xuất tại Công ty may Lạc Thủy.

- **Tiêu chuẩn lựa chọn:** Có thời gian làm việc liên tục từ 1 năm trở lên, tại các khu vực (KV): cắt, chuyễn may và hoàn thiện (đây là khu vực trong dây chuyền công nghệ có nhiều người lao động trực tiếp phơi nhiễm với các yếu tố nguy cơ nghề nghiệp).

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Từ chối hoặc vắng mặt tại thời điểm nghiên cứu.

2.2 Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang, có phân tích.

- Thời gian và địa điểm: Từ tháng 3/2021 đến tháng 11/2021 tại Công ty may Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

- **Cỡ mẫu:** Chọn toàn bộ công nhân đáp ứng các tiêu chí trên, tổng số mẫu thu được $n=363$ người.

- Phương pháp chọn mẫu: Chọn chủ đích công nhân làm việc tại khu vực cắt, chuyển may và hoàn thiện.

- Nội dung nghiên cứu:

+ Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu: Tuổi, giới tính, tuổi nghề, vị trí làm việc.

+ Tình hình sức khỏe của công nhân may: Phân loại sức khỏe (loại I, II, III, IV, V), phân loại bệnh tật (bệnh tim mạch, cơ xương khớp, sản phụ khoa,...) và triệu chứng gặp phải sau ca lao động.

+ Một số yếu tố liên quan đến sức khỏe công nhân may: Tuổi nghề, vị trí làm việc và cảm nhận về yếu tố có hại trong MTLĐ.

- **Phương pháp thu thập số liệu:** Phỏng vấn trực tiếp đối tượng nghiên cứu bằng bộ câu hỏi thiết kế sẵn và bảng thông tin khám sức khỏe năm 2021 của Công ty may Lạc Thủy.

- **Phương pháp xử lý và phân tích số liệu:** Số liệu được nhập bằng phần mềm Epi Data 3.1 và xử lý bằng phần mềm Stata 14.0

III. KẾT QUẢ

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1 : Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n=363)

Đặc điểm		n (363)	%
Giới tính	Nam	33	9,1
	Nữ	330	90,9
Tuổi	< 20 tuổi	3	0,8
	20-39 tuổi	269	74,1
	Từ 40 trở lên	91	25,1
Tuổi nghề	1-5 năm	124	34,2
	>5 năm	239	65,8
Vị trí làm việc	KV cắt vải	34	9,4
	KV chuyển may	279	76,9
	KV hoàn thiện	50	13,7

Nhận xét: Đa số công nhân là nữ (90,9%) và ở nhóm tuổi từ 20-39 tuổi (74,1%). Phần lớn đối tượng có tuổi nghề trên 5 năm (65,8%). Công nhân làm việc tại khu vực may, hoàn thiện, cắt lần lượt là 76,9%, 13,7% và 9,4%.

3.2. Tình hình sức khỏe của công nhân may

Bảng 2. Tình hình sức khỏe của đối tượng nghiên cứu (dựa trên kết quả khám)

Tình hình sức khỏe, bệnh tật		n (363)	%
Phân loại sức khỏe	Loại I	35	9,6
	Loại II	194	53,4
	Loại III	92	25,4
	Loại IV, V	42	11,6
Phân loại bệnh tật	Răng hàm mặt	121	33,3
	Tim mạch	107	29,5
	Sản phụ khoa	97	26,7
	Mắt	71	19,6
	Cơ xương khớp	24	6,6
	Tiêu hóa	21	5,8
	Tai mũi họng	9	2,5
	Khác (hô hấp, nội tiết, da liễu)	8	2,2

Nhận xét: Có đến 53,4% đối tượng nghiên cứu có phân loại sức khỏe loại II, hơn 25% đối tượng có phân loại sức khỏe loại III. Tỷ lệ mắc các bệnh về bệnh RHM, tim mạch, sản phụ khoa và mắt chiếm tỷ lệ cao lần lượt là 33,3%, 29,5%, 26,7% và 19,6%.

Bảng 3. Triệu chứng bệnh gặp phải sau ca lao động

Vị trí Triệu chứng	KV cắt vải (n=34)		KV chuyển may (n=279)		KV hoàn thiện (n=50)		Chung (n=363)	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Đau đầu	5	14,7	70	25,1	5	10,0	80	22,1
Mờ mắt	8	23,5	93	33,3	6	12,0	107	29,5
Ngứa, ngạt mũi	6	17,6	60	21,5	3	6,0	69	19,0
Hồi hộp, đánh trống ngực	1	2,9	9	3,2	0	0,0	10	2,8
Run chân tay	5	14,7	29	10,4	0	0,0	34	9,4
Ù tai	6	17,6	42	15,1	5	10,0	53	14,6

Nhận xét: Triệu chứng bệnh xuất hiện sau ca lao động cao nhất là mờ mắt với 29,5%, tiếp đến là đau đầu (22,1%), ngứa ngạt mũi (19,0%), ù tai (14,6%), run tay chân (9,4%) và hồi hộp đánh trống ngực với 2,8%. Đối với triệu chứng mờ mắt, đau đầu, ngứa ngạt mũi thì công nhân làm việc tại khu vực may có tỷ lệ cao nhất. Đối với triệu chứng ù tai, run tay chân thì công nhân tại khu vực cắt vải có tỷ lệ cao hơn khu vực may và hoàn thiện.

3.3. Một số yếu tố liên quan đến sức khỏe của công nhân may

Bảng 4. Liên quan giữa sức khỏe với tuổi nghề và vị trí làm việc

Đặc điểm		SK tốt (SK loại I&II&III)		SK không tốt (SK loại IV, V)		OR (KTC 95%)	p
		n	%	n	%		
Tuổi nghề	1-5 năm	106	29,2	18	5,0	0,66 (0,34-1,26)	0,21
	> 5 năm	215	59,2	24	6,6		
Vị trí làm việc	KV cắt	30	8,3	4	1,1	1	
	KV chuyển may	245	67,5	34	9,3	1,04 (0,34-3,14)	0,94
	KV hoàn thiện	46	12,6	4	1,1	0,65 (0,15-2,81)	0,56

Nhận xét: Kết quả bảng trên cho thấy không có mối liên quan giữa tình trạng sức khỏe với tuổi nghề và vị trí làm việc của công nhân ($p>0,05$).

Bảng 5. Mối liên quan giữa bệnh tật với tuổi nghề và vị trí làm việc

Đặc điểm	Bệnh tim mạch		Bệnh tiêu hóa		Bệnh cơ xương khớp		Bệnh RHM		Bệnh mắt		Bệnh TMH		Bệnh sản phụ khoa	
	Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không
Tuổi nghề														
1-5 năm	44	80	2	122	11	113	34	90	21	103	2	122	35	89
>5 năm	63	176	19	220	13	226	87	152	50	189	7	232	62	177
p	0,07		0,01		0,21		0,08		0,36		0,44		0,64	

Đặc điểm	Bệnh tim mạch		Bệnh tiêu hóa		Bệnh cơ xương khớp		Bệnh RHM		Bệnh mắt		Bệnh TMH		Bệnh sản phụ khoa	
	Có	Kh ông	Có	Kh ông	Có	Kh ông	Có	Khô ng	Có	Khô ng	Có	Khô ng	Có	Khô ng
OR (KT C 95%)	1,54 (0,98-2,45)		1,19 (0,04-0,83)		1,69 (0,73-3,90)		0,66 (0,41-1,06)		0,77 (0,44-1,35)		0,54 (0,11-2,66)		1,12 (0,69-1,82)	
Vị trí làm việc														
KV cắt	10	24	1	33	4	30	7	27	6	28	2	32	10	24
KV may	85	194	18	261	18	261	100	179	59	220	5	274	76	203
KV hoàn thiện	12	38	2	48	2	48	14	36	6	44	2	48	11	39
p	p ₁ =0,89 p ₂ =0,58		p ₁ =0,43 p ₂ =0,79		p ₁ =0,26 p ₂ =0,19		p ₁ =0,08 p ₂ =0,44		p ₁ =0,63 p ₂ =0,47		p ₁ =0,15 p ₂ =0,69		p ₁ =0,79 p ₂ =0,44	
OR (KT C95 %)	0,95 (0,44-2,08)		0,44 (0,06-3,40)		1,93 (0,61-6,09)		0,46 (0,20-1,10)		0,80 (0,32-2,02)		3,42 (0,64-18,38)		1,11 (0,50-2,44)	
	1,32 (0,49-3,52)		0,73 (0,06-8,35)		3,20 (0,55-18,56)		0,67 (0,24-1,88)		1,57 (0,46-5,36)		1,5 (0,20-11,20)		1,47 (0,55-4,00)	

Nhận xét: Không có mối liên quan giữa bệnh tật với vị trí việc làm của công nhân may ($p>0,05$). NLĐ mắc các bệnh tim mạch, cơ xương khớp, RHM, TMH, mắt, sản phụ khoa không có liên quan đến tuổi nghề của họ ($p>0,05$). NLĐ mắc bệnh các bệnh tiêu hóa có mối liên quan với tuổi nghề của họ ($OR=1,19$, $p=0,01$).

Bảng 6. Mối liên quan giữa cảm nhận của NLĐ đến triệu chứng xuất hiện sau ca lao động

Yếu tố		Ngứa ngáy mũi		Mờ mắt		Đau đầu	
		Có	Không	Có	Không	Có	Không
Cảm nhận về bụi	Có	45	121	74	92		
	Không	24	173	33	164		
	p, OR(KTC 95%)	p=0,000,OR=1,68 (1,55-4,63)		p=0,000,OR=3,99 (2,46-6,48)			
Cảm nhận về ánh sáng	Thiếu sáng			8	2	5	5
	Không thiếu sáng			99	254	75	278
	p, OR(KTC 95%)			p=0,000,OR=10,26 (2,14-49,17)		p=0,03,OR=3,71 (1,05-13,14)	
Cảm nhận về ồn	Có					55	91
	Không					52	165
	p, OR(KTC 95%)					p=0,005,OR=1,92 (1,21-3,03)	

Nhận xét: NLĐ cảm nhận có bụi trong MTLĐ liên quan đến triệu chứng ngứa ngáy mũi ($OR=1,68$, $p=0,000$) và mờ mắt ($OR=1,68$, $p=0,000$) xuất hiện sau ca lao động. Có mối liên quan giữa cảm nhận của NLĐ về thiếu sáng trong MTLĐ với triệu chứng đau đầu

(OR=3,71, $p=0,03$), mờ mắt (OR=10,26, $p=0,000$) xuất hiện sau ca lao động. NLĐ cảm nhận có ồn trong MTLĐ liên quan đến tình trạng đau đầu sau ca lao động của công nhân may (OR=1,92, $p=0,005$).

IV. BÀN LUẬN

4.1. Thực trạng sức khỏe của công nhân may

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho kết quả phân loại sức khỏe của đối tượng nghiên cứu tập trung chủ yếu là sức khỏe loại II và III với tỷ lệ 78,8%. Kết quả này có sự tương đồng với nghiên cứu của Bùi Hoài Nam (2017), khi nhóm có sức khỏe loại II và III chiếm xấp xỉ 80% đối tượng nghiên cứu [4] hay kết quả nghiên cứu của Hoàng Thị Giang (2020) khi phân loại sức khỏe công nhân may tại công ty ở Nghệ An cho thấy 56,3% đối tượng nghiên cứu có sức khỏe loại II [5].

Về đánh giá về tình hình bệnh tật của đối tượng nghiên cứu cho thấy, bệnh hay mắc phải là bệnh RHM (33,3%), bệnh tim mạch (29,5%), các bệnh sản phụ khoa (26,7%), bệnh về mắt (19,6%), bệnh cơ xương khớp (6,6%), bệnh tiêu hóa (5,9%) và tỷ lệ nhỏ các bệnh tai mũi họng, da liễu, hô hấp và nội tiết. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Bùi Hoài Nam (2017) khi bệnh RHM chiếm tỷ lệ cao nhất (47,6%), tiếp đến là tim mạch, mắt và phụ khoa lần lượt là 23,3%; 23% và 10,3% [4]. Cả hai nghiên cứu đều có tỷ lệ mắc các bệnh về RHM, tim mạch và mắt cao.

Về các triệu chứng bệnh gặp phải sau giờ làm việc của công nhân may cho thấy gần 30% đối tượng cảm thấy mờ mắt, tiếp đến là các triệu chứng đau đầu (22,1%), ngứa ngáy mũi (19,0%) đều tập trung chủ yếu ở khu vực may và 14,6% đối tượng thấy xuất hiện triệu chứng ù tai trong đó công nhân may làm việc ở khu vực cắt vải có tỷ lệ cao nhất với 17,6%. Kết quả nghiên cứu của Bùi Hoài Nam (2017) cho biết triệu chứng bệnh xuất hiện sau ca lao động ở NLĐ chủ yếu là ngứa ngáy mũi (24,4%), mờ mắt (20,8%) và đau đầu là 14,1% [4]. Nghiên cứu trên nữ công nhân may của Begum F và cộng sự (2010) cho biết tỷ lệ xuất hiện đau đầu (70%), nhức tai (33,3%), tức ngực (32,2%), đau mắt (21,1%)... [1]. Hay một nghiên cứu ở Ấn Độ của Parimalam P (2007) cho biết công nhân may hay gặp tình trạng đau đầu, khó thở và giảm thính lực [6]. Mặc dù tỷ lệ khác nhau ở các triệu chứng gặp phải giữa các nghiên cứu nhưng có thể thấy triệu chứng của công nhân may hay gặp phải về thính lực, đau đầu,...

4.2. Một số yếu tố liên quan đến sức khỏe công nhân may

Trong nghiên cứu này, để phân tích một số yếu tố liên quan đến sức khỏe NLĐ, chúng tôi coi sức khỏe loại I, II, III là tốt và sức khỏe loại IV, V là sức khỏe không tốt. Kết quả tại bảng 4 cho thấy, tuổi nghề và khu vực làm việc không có liên quan đến sức khỏe tốt hay không tốt của NLĐ ($p>0,05$). Kết quả bảng 5 cho thấy chỉ có bệnh tiêu hóa có mối liên quan với tuổi nghề của công nhân may (OR=1,19, $p=0,01$). Các chứng bệnh khác đều không có mối liên quan với tuổi nghề và khu vực làm việc của công nhân may ($p>0,05$).

Kết quả này có thể được giải thích, đối với phân loại sức khỏe theo Quyết định 1613/QĐ-BYT thì kết quả phân loại dựa trên tình trạng thể lực và bệnh tật NLĐ. Thể lực của NLĐ thì thường ít có sự thay đổi theo thâm niên làm việc, cũng như một số loại bệnh tật của NLĐ cũng có thể xuất hiện trước khi làm việc tại công ty. Để đánh giá chính xác ảnh hưởng của thời gian làm việc hay tuổi nghề và vị trí làm việc ảnh hưởng như thế nào đến sức khỏe của công nhân may, cần khám chuyên sâu phát hiện bệnh nghề nghiệp của công nhân may. Trong khuôn khổ của nghiên cứu, chúng tôi chưa tổ chức khám phát hiện các bệnh nghề nghiệp cho công nhân may, vì vậy chúng tôi đánh giá ảnh hưởng của điều kiện

môi trường đến sức khỏe người lao động thông qua các cảm nhận của họ.

Kết quả tại bảng 6 cho thấy cảm nhận có ồn trong môi trường lao động liên quan đến triệu chứng đau đầu (OR=1,92, p=0,005); cảm nhận có bụi liên quan đến ngứa ngáy mũi (OR=1,68, p=0,000) và mờ mắt (OR=3,99, p=0,03; cảm nhận về ánh sáng liên quan đến mờ mắt (OR=10,26, p=0,000) và đau đầu (OR=3,71, p=0,000) xuất hiện sau ca lao động. Kết quả này tương đồng nghiên cứu của Gupta R.D và cộng sự (2015) chỉ ra tiếng ồn có liên quan đến triệu chứng đau đầu ở công nhân may xuất hiện cuối ca lao động [7]. Nghiên cứu của tác giả Mehta (2012) cũng cho nhận định rằng khuyết tật thính giác được cho là do tiếng ồn từ máy móc, chiếu sáng không phù hợp gây ra các vấn đề về thần kinh. các bụi lơ lửng trong môi trường dẫn đến các vấn đề về hô hấp [8].

V. KẾT LUẬN

Phần lớn công nhân may có sức khỏe tốt (88,4%); bệnh hay gặp là bệnh RHM, tim mạch, phụ khoa và mắt. Có liên quan giữa tuổi nghề với bệnh tiêu hóa và cảm nhận về các yếu tố trong môi trường lao động liên quan đến một số triệu chứng bệnh xuất hiện sau ca lao động của công nhân may.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Begum F., Ali R.N., Hossain M.A and Shahid S.B. Harassment of women garment workers in Bangladesh”. *Journal of the Bangladesh Agricultural University*. 2010. 8(2), 291–296, doi: 10.3329/jbau.v8i2.7940.
 2. Shaikh M.A., Weiguo.S, Shahid M.U., Ayaz.H and Ali. M. An Assessment of Hazards and Occupational Health & Safety Practices for Workers in the Textile Industry: A Case Study, *International Journal of Academic Research in Business and Social Sciences*. 2018. 8(12), 333-347, doi: 10.6007/IJARBS/v8-i12/5016.
 3. Hoàng Thị Thúy Hà. Thực trạng môi trường, sức khỏe, bệnh tật ở công nhân may Thái Nguyên và hiệu quả một số giải pháp can thiệp. Đại học Thái Nguyên. 2015.
 4. Bùi Hoài Nam. Nghiên cứu điều kiện lao động, tình trạng sức khỏe và hiệu quả của biện pháp huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho công nhân may công nghiệp tại Hưng Yên. Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương. 2017.
 5. Hoàng Thị Giang, Lê Tuấn Anh, Vũ Hải Vinh và Phạm Minh Khuê. Thực trạng điều kiện lao động và sức khỏe công nhân ngành may tại công ty TNHH HAIVINA Kim Liên Nghệ An năm 2020”. *Tạp chí y học Việt Nam*. 2021. 503(1), 126-132, doi: 10.51298/vmj.v503i1.710.
 6. Parimalam P., Kamalamma N. and Ganguli A.K. Knowledge, Attitude and Practices Related to Occupational Health Problems among Garment Workers in Tamil Nadu, India. *Journal of Occupational Health*. 2007. 49(6), 528–534, doi: 10.1539/joh.49.528.
 7. Gupta R.D and et al. Occupational Health Hazards among Workers in Garment Factories in Bangladesh: A Cross-Sectional Study. *Developing Country Studies*. 2015, 5(5), 90-98, <https://www.researchgate.net/publication/280089449>.
 8. Mehta R. Major Health Risk Factors Prevailing in Garment Manufacturing Units of Jaipur. *Journal of Ergonomics*. 2012. 2(2), doi: 10.4172/2165-7556.1000102.
-